

THỰC TRẠNG NHẬN THỨC VỀ ĐỊNH KIẾN GIỚI CỦA SINH VIÊN HỌC VIỆN QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Vũ Thu Thủy

Khoa Tâm lý giáo dục, Học viện Quản lý giáo dục

Email: vuthuthuy1209@gmail.com

Tóm tắt: Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng nhận thức của sinh viên Học viện Quản lý giáo dục về định kiến giới hiện nay. Nghiên cứu được tiến hành trên sinh viên đang theo học tại Học viện Quản lý giáo dục, với các nhóm ngành học và giới tính khác nhau. Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là khảo sát bằng bảng hỏi, kết hợp với phương pháp quan sát trực tiếp nhằm làm rõ nhận thức của sinh viên về vị trí, vai trò của nam giới và nữ giới trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Kết quả cho thấy, mặc dù đa số sinh viên có nhận thức đúng về khái niệm định kiến giới, mức độ ảnh hưởng của định kiến giới tới các lĩnh vực trong cuộc sống, những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của định kiến giới hay những yếu tố tác động tới nhận thức về định kiến giới, tuy nhiên vẫn còn một bộ phận sinh viên vẫn nhận thức chưa đầy đủ về định kiến giới. Việc xác định rõ thực trạng nhận thức của sinh viên về định kiến giới có thể góp phần tác động đến suy nghĩ, quan điểm, hành động của sinh viên theo hướng tích cực hơn trong thời đại chuyển đổi số hiện nay.

Từ khóa: Nhận thức; Định kiến giới; giới; sinh viên.

THE CURRENT SITUATION OF PERCEPTIONS OF GENDER STEREOTYPE AMONG STUDENTS AT THE ACADEMY OF EDUCATIONAL MANAGEMENT

Abstract: This study was conducted to understand the current awareness of students at the Academy of Educational Management regarding gender stereotypes. The research was carried out among students enrolled at the Academy of Educational Management, with different majors and genders. The main research method used was a survey through questionnaires, combined with direct observation to clarify students' perceptions of the roles and positions of men and women in various areas of social life. The results show that although the majority of students have a correct understanding of the concept of gender stereotypes, the extent of their influence on different aspects of life, the positive and negative impacts of gender stereotypes, and the factors affecting perceptions of gender stereotypes, there is still a portion of students who have an incomplete understanding of gender stereotypes. Clearly understanding students' awareness of gender stereotypes can contribute to positively influencing their thoughts, perspectives, and actions in the current digital transformation era.

Keywords: Awareness; Gender stereotypes; gender; students.

Nhận bài: 26/02/2026

Phản biện: 20/03/2026

Duyệt đăng: 24/03/2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Định kiến giới là sự nhìn nhận không đúng về khả năng của nam giới và nữ giới, phẩm chất nhân cách mà nam hoặc nữ nên có, loại hình hoạt động và nghề nghiệp mà nam và nữ nên làm hoặc không nên làm... Định kiến giới gây áp lực cho cả nam lẫn nữ, tạo ra những giới hạn mà họ khó có thể vượt qua, hình thành hố sâu ngăn cách giữa họ bằng sự khác biệt trong cách nhìn nhận, đánh giá, ứng xử.

Định kiến giới là một hiện tượng tâm lý xã hội phổ biến, xuất hiện ở mọi lứa tuổi với các mức độ khác nhau. Tuổi sinh viên là giai đoạn lứa tuổi mà sự hình thành thế giới quan, nhân sinh quan, lý tưởng, tính tích cực xã hội được diễn ra rất mạnh mẽ. Mặt khác, họ là những tri thức trẻ, thế hệ tương lai của đất nước, nguồn nhân lực có vai trò quan trọng trong sự phát triển của xã hội. Do vậy, việc sinh viên nhận thức đúng về vị trí, vai trò của nam giới và nữ giới trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, hiện nay trong thời đại chuyển đổi số sinh

viên chưa thực sự quan tâm đến những vấn đề về giới nói chung, định kiến giới nói riêng. Trên thực tế, định kiến giới đã và đang ảnh hưởng đến cả nam sinh và nữ sinh, tạo nên sự phân biệt đối xử theo giới trong môi trường nhà trường và xã hội; khiến sinh viên đánh giá không khách quan, đầy đủ về điểm mạnh, điểm yếu, quyền hạn và trách nhiệm của bản thân mình và người khác giới.

Hiện nay, đã có nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề giới, định kiến giới nhưng mới chủ yếu tập trung về định kiến giới trong gia đình, nghề nghiệp... của những người đã đi làm và lập gia đình. Vì vậy, việc tìm hiểu nhận thức về định kiến giới của sinh viên Học viện Quản lý giáo dục có thể góp phần tác động đến suy nghĩ, quan điểm, hành động của sinh viên theo hướng tích cực hơn.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Tổng quan nghiên cứu

2.1.1. Tại nước ngoài

Định kiến giới là một trong những chủ đề được các nhà tâm lý học, xã hội,... quan tâm và được

ngiên cứu rất sớm từ những năm đầu thế kỷ XX. Và một số nghiên cứu có thể kể tới như:

Các tác giả McCarty, Jackson, Grabski, Crosby (1984) khi nghiên cứu những định kiến với phụ nữ trong trả lương và nghề nghiệp đã chỉ ra rằng: nữ giới thường ít tự tin về nghề nghiệp, trông đợi về sự nghiệp ít hơn nam giới, họ tự nguyện nhận mức lương thấp hơn nam giới. Ngày nay nữ giới đã gia nhập vào các lực lượng xã hội đông đảo hơn trước đây nhưng họ vẫn được xem là phù hợp với các nghề nghiệp truyền thống như: thư ký, y tá, giáo viên... Vấn đề định kiến và định kiến giới đã được nhiều nhà khoa học thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau quan tâm nghiên cứu.

Một nghiên cứu khác được tiến hành bởi tác giả Carol Lynn Martin (1987) đã chứng minh rằng: những nhận thức của chúng ta về nam tính hay nữ tính khác xa với thực tế về những đặc điểm tính cách mà mỗi người nam giới hay nữ giới chúng ta có.

Không chỉ có các nhà tâm lý học, xã hội học mà tác giả Edward Wilson (1978) – nhà khoa học của trường Đại học Harvard, một trong những người tiên phong trong việc đặt nền móng cho ngành sinh học xã hội, cũng đã tìm kiếm câu trả lời cho sự khác biệt về vai trò xã hội giữa phụ nữ và nam giới từ những nguyên nhân sinh học. Chẳng hạn, tính hung hăng ở đàn ông và chức năng sinh dưỡng ở đàn bà là kết quả của những di biệt di truyền.

Rosenthal và Jacobson (1968) đã tiến hành thực nghiệm ở một lớp thuộc trường tiểu học nhằm xác định về định kiến. Hai ông đã chọn mẫu ngẫu nhiên 20% số học sinh của mỗi lớp và thông báo với các giáo viên là các em có khả năng phát triển trí tuệ trong tương lai gần. Sau vài tháng, những em học sinh được coi là có khả năng phát triển trí tuệ trong tương lai gần đã có hệ thống minh cao hơn hẳn so với những em thuộc nhóm đối chứng. Điều này lý giải là do thái độ tích cực và sự mong đợi của các giáo viên đã dẫn đến những đánh giá tốt và cho điểm cao hơn chứ không phải là do có sự thông minh lớn hơn. Hiệu ứng này cho thấy: sự đánh giá phẩm chất hay những thành đạt của người khác phụ thuộc rất lớn vào sự mong đợi của mỗi người.

M.Rokeach (1960) đã nghiên cứu nguyên nhân dẫn đến định kiến dân tộc. Ông cho rằng: Định kiến nảy sinh trên cơ sở sự khác biệt về niềm tin mang tính nhận thức. Người ta thường thích những người có niềm tin và giá trị sống giống mình mà không thích những người có niềm tin

và giá trị khác với mình. Chính quan điểm về giới khác với mình là nguyên nhân dẫn tới định kiến với mục đích xác định vai trò của những xung đột giữa các nhóm trong sự hình thành định kiến. Bên cạnh việc tìm hiểu về định kiến nói chung, định kiến dân tộc nói riêng, nhiều nhà tâm lý học và xã hội học còn quan tâm tìm hiểu về định kiến giới.

Từ những năm 1930, tâm lý học xã hội là một trong những ngành khoa học tiên phong trong việc tìm hiểu bản chất của định kiến giới, đưa ra các định nghĩa và cách thức phân biệt chúng, xem xét những nền tảng của định kiến, nguyên nhân xuất hiện và xu hướng tồn tại, khảo sát các phương sách và chiến lược nhằm giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của định kiến giới.

2.1.2. Tại Việt Nam

Trải qua hàng ngàn năm chế độ phong kiến, hệ tư tưởng nho giáo đã tác động sâu sắc lên đời sống xã hội. Dưới góc độ tâm lý học xã hội về giới, khoa học giới... các tác giả khác nhau đã đề cập đến sự tác động của tư tưởng Nho giáo, các tập tục truyền thống với việc đảm bảo quyền bình đẳng của phụ nữ và trẻ em Việt Nam như: tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, “tam tòng”, “nam ngoại, nữ nội”, người đàn ông là trụ cột kinh tế gia đình, tư tưởng “con gái là con người ta”, con gái không cần học nhiều,... Dù chịu ảnh hưởng nhiều từ văn hóa đến ĐKG nhưng sự thật thì phải từ những năm 90 của thế kỷ XX ở Việt Nam mới bắt đầu có những nghiên cứu về ĐKG và đến bây giờ mới thực sự được chú trọng, phát triển mạnh mẽ. Dưới đây là một số nghiên cứu tiêu biểu:

Tác giả Trần Thị Bạch Mai trong nghiên cứu: “Nữ quản lý Đại học ở một số nước trên thế giới” (2006) đã phân tích sự tồn tại của những ĐKG khi người phụ nữ tham gia công tác quản lý. Những ĐKG này đã tác động đến sự phân công vị trí tham gia quản lý, lãnh đạo.

Tác giả Vũ Phương Anh (2008) đã tập trung phân tích những khuôn mẫu giới trong các câu chuyện sách giáo khoa dành cho học sinh tiểu học Việt Nam trước và sau cải cách sách giáo khoa năm 2002. ĐKG không những ảnh hưởng tới nữ giới mà nó còn có ảnh hưởng tiêu cực tới nam giới mà theo như TS Khuất Thu Hồng - Viện trưởng ISDS, trưởng nhóm nghiên cứu đề tài “Nam giới và nam tính tại Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa” được công bố năm 2020 - khẳng định nỗ lực bình đẳng giới sẽ là khập khiễng nếu chỉ quan tâm đến phụ nữ mà bỏ qua đàn ông.

Nhìn chung những nghiên cứu đã chỉ ra sự phân biệt giữa nam và nữ trong các mối quan hệ xã hội, trong hoạt động sống và làm việc, và đánh giá về phẩm chất năng lực giữa nam và nữ, tuy nhiên có rất ít những nghiên cứu về nhận thức định kiến giới của sinh viên trong thời đại chuyển đổi số hiện nay.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu

Để nghiên cứu về thực trạng nhận thức về định kiến giới, chúng tôi đã nghiên cứu trên tổng 150 sinh viên đến từ các khoa: Tâm lý học- Giáo Dục, Công nghệ thông tin, Ngôn ngữ Anh và Quản lý của Học viện Quản lý giáo dục. Chúng tôi lựa chọn theo tiêu chí Ngành học, năm học và giới tính. Sau đây là bảng phân loại mẫu nghiên cứu:

Bảng 1. Đặc điểm mẫu khảo sát

STT	Loại khách thể		Số lượng	Phần trăm(%)
1	Ngành học	Tâm lý học giáo dục	46	30.7
		Quản lý giáo dục	41	27.3
		Công nghệ thông tin	43	28.7
		Ngôn ngữ anh	20	13.3
2	Năm học	Năm 1	33	22.0
		Năm 2	44	29.3
		Năm 3	32	21.3
		Năm 4	41	27.4
3	Giới tính	Nam	75	50
		Nữ	75	50

Nguồn: (Số liệu điều tra)

Phương pháp nghiên cứu

Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

Thu thập, xử lý, chọn lọc và khái quát hoá những vấn đề lý luận cơ bản, những kết quả nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài về định kiến giới

Xây dựng các khái niệm công cụ cốt lõi của đề tài

Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Xây dựng phiếu hỏi cho sinh viên Học viện Quản lý giáo dục. Chúng tôi thực hiện xây dựng bộ câu hỏi trong phiếu điều tra nhằm tìm hiểu thực trạng, biểu hiện và yếu tố ảnh hưởng đến nhận thức của sinh viên về định kiến giới.

Nhóm phương pháp thống kê toán học

Sử dụng phần mềm SPSS để xử lý và phân tích những số liệu thu được phục vụ cho đề tài.

Để có những nhận xét khách quan về kết quả nghiên cứu, chúng tôi sử dụng các phương pháp thống kê toán học để phân tích số liệu định lượng theo các thông số thống kê mô tả và từ những số liệu cụ thể đó để phục vụ cho việc nghiên cứu đề tài

2.3. Kết quả nghiên cứu

2.3.1. Nhận thức của sinh viên về khái niệm ĐKG

Ở đây, chúng tôi đưa ra 6 định nghĩa khác nhau về ĐKG. Khái niệm ĐKG: “Là việc nhìn

nhận không đúng về khả năng của nam hoặc nữ; về tính cách mà nam hoặc nữ nên có; về loại hình hoạt động, nghề nghiệp mà nam hoặc nữ có thể làm hoặc không thể làm” có được 77,3% sự đồng ý. với khái niệm ĐKG: “Là cách suy nghĩ, quan điểm cứng nhắc, rập khuôn; là thái độ tiêu cực của chủ thể về đặc điểm bề ngoài, vai trò, hành vi, hoạt động, phẩm chất, năng lực của nam và nữ.” có được 52,7% sự đồng ý. Với khái niệm ĐKG: “Là suy nghĩ của mọi người về những gì mà phụ nữ và nam giới có khả năng và loại hình hoạt động mà họ có thể làm.” có 30,7% sự đồng ý. Với khái niệm ĐKG: “Là suy nghĩ của mọi người về những gì mà phụ nữ và nam giới có khả năng và loại hình hoạt động mà họ có thể làm.” có 37,2% sự đồng ý. Với khái niệm: “Là phân biệt đối xử với cả nam và nữ trong mọi lĩnh vực của cuộc sống.” có 22% sự đồng ý. Và cuối cùng là khái niệm ĐKG: “Là phân biệt đối xử đối với nữ giới, nữ giới không có quyền quyết định mọi việc trong cuộc sống.” có 31,3% sự đồng ý. Điều đó đồng nghĩa rằng đa số sinh viên Học viện Quản lý giáo dục cho rằng khái niệm về ĐKG là việc nhìn nhận không đúng về khả năng của nam hoặc nữ; về tính cách mà nam hoặc nữ nên có; về loại hình hoạt động, nghề nghiệp mà nam hoặc nữ có thể làm hoặc không

thể làm. Bên cạnh đó sinh viên cũng phủ nhận việc ĐKG có thể ảnh hưởng tới mọi lĩnh vực trong cuộc sống với 78% sự phủ nhận định kiến này. Và với độ lệch chuẩn trung bình là 0.45 thì kết quả trên có thể tin cậy.

2.3.2. Nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc hiểu biết về ĐKG đối với các lĩnh vực trong cuộc sống

Đa số sinh viên cho rằng ĐKG sẽ không ảnh hưởng tới tất cả các lĩnh vực trong cuộc sống. Vậy những lĩnh vực sẽ bị ảnh hưởng bởi ĐKG và nó ảnh hưởng ra làm sao?

Trong nghiên cứu này chúng tôi đưa ra 6 lĩnh vực mà ĐKG có thể ảnh hưởng tới đó là:

- Trong giao tiếp, ứng xử hàng ngày.
- Trong cuộc sống gia đình.
- Trong học tập.
- Nghề nghiệp.
- Trong việc xây dựng hình mẫu lý tưởng.
- Về vị trí xã hội.

Trong giao tiếp ứng xử hàng ngày là lĩnh vực mà nhiều sinh viên cho rằng bị ảnh hưởng bởi ĐKG nhiều nhất với sự đồng tình lên tới 86%. Sự ảnh hưởng của ĐKG tới giao tiếp nó thể hiện ở quan niệm phụ nữ phải ăn nói nhẹ nhàng, khéo léo, nam giới cần ăn to nói lớn và điều này có thể là sự ảnh hưởng của giáo dục gia đình cũng như truyền thống văn hóa vốn có của người Việt Nam.

Sự đồng ý có ảnh hưởng tới lĩnh vực gia đình chỉ có 57,3% điều đó cho thấy sự ảnh hưởng của ĐKG tới lĩnh vực gia đình chỉ ở mức độ trung bình. Trong lĩnh vực học tập thì có 46% số sinh viên cho rằng có sự ảnh hưởng của ĐKG và 54% số sinh viên còn lại cho rằng không có ảnh hưởng của ĐKG. Với nhóm sinh viên cho rằng có sự ảnh hưởng của ĐKG thì nó sẽ thể hiện ở việc nam học giỏi các môn tự nhiên, nữ học giỏi các môn xã hội. Điều này đang dần dần không còn đúng khi ở thời điểm hiện tại học sinh, sinh viên sẽ theo đuổi những ngành nghề mà họ yêu thích chứ không nhất định rằng đó là những ngành tự nhiên hay ngành xã hội. Và nó được thể hiện ở 54% số sinh viên cho rằng không có ảnh hưởng của ĐKG tới lĩnh vực học tập.

Tuy nhiên trong lĩnh vực nghề nghiệp thì ngược lại có tới 59,3% số sinh viên cho rằng có sự ảnh hưởng của ĐKG tới lĩnh vực nghề nghiệp. Điều mà lẽ ra phải có sự tương quan với lĩnh vực học tập. Để lý giải điều này chúng tôi cho rằng những yếu tố về mặt sinh học cơ bản có sự tác động không hề nhỏ bởi sức mạnh về mặt sinh học

thì nữ giới kém hơn nam giới đó là lý do dẫn tới nhận thức nam thường làm các nghề liên quan đến kỹ thuật, nữ phù hợp với nghề giáo viên, may vá, làm đẹp. Bên cạnh đó do phụ nữ sẽ có thời kỳ mang thai chính điều này đôi khi cũng là lý do khiến phụ nữ bị bất bình đẳng trong lao động.

Trong việc xây dựng hình mẫu lý tưởng thì có 54,7% sinh viên cho rằng có sự ảnh hưởng bởi ĐKG. Và ảnh hưởng tiêu biểu về nhận thức là việc cho rằng nam phải có sự nghiệp thành đạt, nữ phải có gia đình hạnh phúc. Về lĩnh vực vị trí xã hội thì đây là lĩnh vực mà ít sinh viên cho rằng có ảnh hưởng bởi ĐKG nhất chỉ với 37,3% cho rằng có sự ảnh hưởng. Nhận thức tiêu biểu của sự ảnh hưởng ĐKG với lĩnh vực này là cho rằng nam làm lãnh đạo phù hợp hơn so với nữ. Nhưng thực tế xã hội cũng chứng minh trong bộ máy nhà nước có rất nhiều quan chức cấp cao là nữ giới như nguyên chủ tịch quốc hội Nguyễn Thị Kim Ngân. Và thực tế tại Học viện Quản lý giáo dục thì việc sinh viên nữ làm các chức vụ tại chi đoàn nhiều hơn hẳn sinh viên nam. Từ đó cho thấy việc lãnh đạo phù hợp hay không là ở năng lực của người lãnh đạo chứ không phải ở giới tính của họ.

2.3.3 Nhận thức của SV về biểu hiện của ĐKG

Chúng tôi đưa ra 17 câu ca dao thành ngữ có biểu ĐKG và 2 câu ca dao: “Trai tài, gái sắc; Mắt con trai, tai con gái” không có ĐKG để tìm hiểu thực trạng nhận thức của sinh viên về biểu hiện của ĐKG.

Ta thấy với câu ca dao: “Đàn ông nông nổi giềng khơi, đàn bà sâu sắc như coi đưng trâu.” có 72% sinh viên đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Đàn ông xây nhà, đàn bà xây tổ ấm.” có 50,7% sinh viên đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Đàn bà chẳng phải đàn bà. Thối cơm cơm khét, muối cà cà chua.” có 72% sinh viên đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Thương chồng nên phải làm than. Xưa nay ai bắt việc quan đàn bà.” có 66% sinh viên đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Phụ nữ yếu đuối - nam giới mạnh mẽ.” có 70% sinh viên đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Ruộng sâu, trâu nái không bằng con gái đầu lòng.” có 53,3% sinh viên đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Phụ nữ do dự - nam giới quyết đoán.” có 60% sinh viên đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Phụ nữ chung thủy - nam giới trăng hoa.” có 60,7% sinh viên đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Vắng đàn ông quanh nhà, vắng đàn bà quanh bếp.” có 60,7% sinh viên đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Phụ nữ nhẫn nhịn, nam giới nóng nảy.” có 59,3% sinh viên

đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Đàn ông miệng rộng thì sang. Đàn bà miệng rộng tan hoang cửa nhà.” có 78% sinh viên đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Phụ nữ thụ động, nam giới chủ động.” có 67,3% sinh viên đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô.” có 80% sinh viên đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Nữ giới làm việc nhẹ nhàng, nam giới làm việc nặng nhọc.” có 60,7% sinh viên đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Phụ nữ là phái yếu nên sẽ được ưu tiên hơn nam giới.” có 56,7% sinh viên đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Trai Đình, Nhâm, Quý thì tài. Gái Đình, Nhâm, Quý thì hai lần đò.” có 74% sinh viên đồng ý có ĐKG. Với câu ca dao: “Làm thân con gái chớ nghe đàn bầu.” có 60% sinh viên đồng ý có ĐKG. Và với 2 câu ca dao không có ĐKG: “Trai tài, gái sắc.” và “Mất con trai, tai con gái.” có số sinh viên không đồng ý có ĐKG lần lượt là 69,3% và 63,3%. Từ số liệu này cho thấy phần lớn sinh viên Học viện Quản lý giáo dục có thể nhận biết biểu hiện của ĐKG trong các câu ca dao thành ngữ. Và với điểm trung bình độ lệch chuẩn là 0.46 thì số liệu trên có thể tin tưởng.

III. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 và quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, định kiến giới đã và đang ảnh hưởng đến cả nam sinh và nữ sinh, tạo nên sự phân biệt đối xử theo giới trong môi trường nhà trường và xã hội; khiến sinh viên đánh giá không khách quan, đầy đủ về điểm mạnh, điểm yếu, quyền hạn và trách nhiệm của bản thân mình và người khác giới. việc nhận thức đúng về định kiến giới của sinh viên nói chung và sinh viên Học viện Quản lý giáo dục nói chung thật sự rất cần thiết, góp phần giúp nhận thức, định hướng và hành động của sinh viên theo hướng tích cực hơn.

Qua khảo sát ta thấy được đa số sinh viên có nhận thức đúng về khái niệm ĐKG, mức độ ảnh hưởng của định kiến giới tới các lĩnh vực trong cuộc sống, những ảnh hưởng tích cực tiêu cực của ĐKG hay những yếu tố tác động tới nhận thức về ĐKG,... Tuy nhiên trong việc phân biệt những dấu hiệu của ĐKG thì có một số sinh viên vẫn chưa phân biệt được rõ ràng đâu là ĐKG đâu không phải là ĐKG. Điều đó cho thấy có một phần nhỏ sinh viên chưa có nhận thức cao về ĐKG và cần có những khuyến nghị để nâng cao nhận thức của sinh viên về ĐKG.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Trần Thị Vân Anh (2010), “Định kiến giới và các hình thức khắc phục”, tạp chí Khoa học về Phụ nữ. Báo cáo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của Tổng cục thống kê.
- Blom.B.S (1956), Hệ phân loại mục tiêu Sư phạm, lĩnh vực nhận thức, Quesbec, Tạp chí đại học số 10, năm 1975.
- J.P.Chaplin - Từ điển Tâm lý
- Đưa vấn đề giới vào phát triển – Báo cáo nghiên cứu chính sách của Ngân hàng thế giới, NXB Văn hóa thông tin, 2001.
- Vũ Dũng (2007), Giáo trình tâm lý học quản lý, Nxb Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Phạm Văn Đức - Giáo trình triết học Mác-Lênin
- Trần Thị Minh Đức (2008), các thực nghiệm trong tâm lý học xã hội, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Minh Đức (2009) - Định kiến giới và áp lực xã hội đối với nữ tri thức - tạp chí Tri thức trẻ.
- Grant Evans (chủ biên)– Bức khám văn hóa Châu Á (tiếp cận nhân học) – NXB Văn hóa dân tộc, HN, 2001.
- Fischer – Những khái niệm cơ bản của Tâm lý học xã hội, NXB Thế giới và trung tâm nghiên cứu tâm lý trẻ em NT, HN 1992.
- Nguyễn Văn Giao , Nguyễn Hữu Quỳnh , Vũ Văn Tào , Bùi Hiền - Từ điển giáo dục học.
- Nguyễn Thị Thu Hà (2007) “Nam trưởng nữ phó – một định kiến giới mà cán bộ cấp xã phải đối mặt”, Tạp chí Tâm lý học.
- Phạm Minh Hạc (1996), Vấn đề con người trong sự nghiệp CNH – HĐH, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Phạm Minh Hạc (chủ biên), (1998), Giáo trình tâm lý học, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- Trần Thị Bạch Mai (2006), nghiên cứu: Nữ quản lý Đại học ở một số nước trên thế giới”.
- Trần thị Quế (chủ biên). Những khái niệm cơ bản về giới và vấn đề giới ở Việt Nam. NXB Thống kê, 1999.